

# **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

## **Tổ Công tác về Phương án tiền lương mới**

### **ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TIỀN LƯƠNG MỚI**

#### **1. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Căn cứ vào Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
- Căn cứ vào Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKQTĐ-HĐT ngày 0 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 36/NQ-ĐHKQTĐ-HĐT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thông qua danh mục vị trí việc làm và đề án việc làm.
- Căn cứ vào quyết định số 623/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Căn cứ vào Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

#### **2. MỘT SỐ HẠN CHẾ CỦA PHƯƠNG THỨC TRẢ LƯƠNG HIỆN TẠI**

- Mức lương hiện tại chưa gắn kết có hiệu quả với vị trí việc làm, chất lượng công việc và đóng góp của mỗi cá nhân vào hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Mức lương hiện tại chưa phản ánh đúng mức thu nhập của một phần lớn đội ngũ cán bộ, viên chức của Trường.
- Cơ chế và mức lương hiện tại chưa đủ sức thu hút cán bộ giảng viên giỏi, thậm chí mức lương ở mức thấp so với một số trường đại học trong топ đầu trên địa bàn.

#### **3. MỤC TIÊU CỦA PHƯƠNG ÁN TIỀN LƯƠNG MỚI**

- Phương án tiền lương mới này là bước đầu tiên trong việc xây dựng cơ chế trả tiền lương theo vị trí việc làm tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Phương án tiền lương mới cũng hướng đến việc đảm bảo tiền lương sẽ chiếm phần trọng yếu trong thu nhập của người lao động. Sẽ có quy định cụ thể, chi tiết những công việc nào được tính trong lương và những công việc nào được tính vào thu nhập tăng thêm đối với từng vị trí việc làm.
- Khắc phục một phần những hạn chế của cơ chế và mức lương hiện tại, tạo cơ sở để tuyển dụng những cán bộ giỏi trong thời gian tới.

#### **4. NGUYÊN TẮC VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

##### *Nguyên tắc*

- Tiền lương được chi trả trên cơ sở vị trí việc làm.
- Tiền lương có tính đến trình độ chuyên môn, ngạch viên chức với đội ngũ giảng viên và chuyên viên.
- Tiền lương có tính đến yếu tố thâm niên trên cơ sở duy trì lương cơ bản theo thang bảng lương theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP, và là một thành phần của cơ cấu tiền lương.
- Với cán bộ quản lý các đơn vị đào tạo, tiền lương có tính đến quy mô giảng viên hoặc quy mô sinh viên.
- Trong quá trình chuyển đổi, nếu tiền lương đề xuất theo chính sách này thấp hơn mức tiền lương hiện tại đang hưởng, sẽ giữ nguyên tiền lương hiện tại.

##### *Đối tượng áp dụng*

- Toàn bộ viên chức, người lao động đã ký kết hợp đồng lao động (hợp đồng xác định thời hạn và không xác định thời hạn) với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trừ các trường hợp sau đây:
  - + Người lao động, viên chức đang đi nước ngoài dài hạn.
  - + Người lao động đang làm việc tại các đơn vị tự chủ, đặc thù (ký hợp đồng với các đơn vị), bao gồm: Trung tâm Dịch vụ Hỗ trợ Đào tạo, Viện Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Đào tạo Liên tục (sẽ có phương án riêng)

## 5. PHƯƠNG ÁN TIỀN LƯƠNG MỚI

### 5.1. Cách tính tiền lương hàng tháng của người lao động

Tiền lương hàng tháng của người lao động được tính như sau:

$$L_{iy} = LCB_i + TNVTVL_y$$

Trong đó:

i: cá nhân người lao động

y: vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm

$L_{iy}$ : Tiền lương của người (i) tại vị trí việc làm (y)

$LCB_i$ : Lương cơ bản của người (i) theo thang bảng lương dựa trên Nghị định 204/2004/NĐ-CP (gồm: hệ số ngạch bậc, vượt khung, hệ số chức vụ, phụ cấp giảng dạy, thâm niên nhà giáo, phụ cấp độc hại, phụ cấp hành chính, thâm niên hành chính).

$TNVTVL_y$ : Thu nhập theo vị trí việc làm (y)

$TNVTVL_y =$  Mức tiền lương tối thiểu tại vị trí việc làm (y) – Lương cơ bản của người có thu nhập hiện tại thấp nhất (min  $LCB_i$ ) ở vị trí việc làm (y)

Mức tiền lương tối thiểu tại vị trí việc làm (y) được quy định tại Phụ lục 1

### 5.2. Cách tính tiền lương cho cán bộ quản lý đơn vị đào tạo

Riêng với cán bộ quản lý đơn vị đào tạo, tiền lương hàng tháng của người lao động được tính như sau:

$$L_{ij} = LCB_i + TNVTVL_y * H_j$$

Trong đó:

$H_j$ : hệ số thu nhập theo quy mô giảng viên hoặc quy mô sinh viên của đơn vị đào tạo j, cụ thể như sau:

- Đối với khoa/viện có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học,  $H_j = 1$ .
- Đối với khoa/viện có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên,  $H_j = 1,05$ .

## 6. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Mức lương này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và thay thế cho các quy định có liên quan trước đây về vấn đề này.

- Các đơn vị tự chủ (Viện Quản trị kinh doanh, Trung tâm Đào tạo liên tục, Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ đào tạo) căn cứ theo phương án tiền lương của Trường để thực hiện chi trả cho viên chức và người lao động của đơn vị.

**PHỤ LỤC 01**  
**Mức tiền lương tối thiểu tại các vị trí việc làm**  
**Đơn vị tính: triệu đồng**

Stt	Danh mục các vị trí việc làm	Mức tiền lương tối thiểu				
<b>1</b>	<b>QUẢN LÝ CẤP CAO</b>					
1.1	Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường	45				
1.2	Phó Hiệu trưởng	40				
<b>2</b>	<b>QUẢN LÝ ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG</b>					
2.1	Trưởng đơn vị	30				
2.2	Phó trưởng đơn vị	25				
2.3	Trưởng bộ phận trực thuộc đơn vị	20				
2.4	Phó trưởng bộ phận trực thuộc đơn vị	17				
<b>3</b>	<b>QUẢN LÝ ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU</b>					
3.1	Trưởng đơn vị	30				
3.2	Phó trưởng đơn vị	25				
3.3	Trưởng bộ môn	25				
3.4	Phó trưởng bộ môn	20				
3.5	Trưởng bộ phận trực thuộc khác	20				
3.6	Phó trưởng bộ phận trực thuộc khác	17				
<b>4</b>	<b>QUẢN LÝ ĐƠN VỊ DỊCH VỤ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>					
4.1	Trưởng đơn vị	20				
4.2	Phó trưởng đơn vị	17				
<b>5</b>	<b>CHỨC VỤ ĐẢNG, ĐOÀN THỂ</b>					
5.1	Bí thư Đảng ủy	45				
5.2	Phó Bí thư Đảng ủy	40				
5.3	Chủ tịch Công đoàn trường	30				
5.4	Phó Chủ tịch Công đoàn trường	25				
5.5	Bí thư Đoàn Thanh niên	25				
5.6	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên	20				
<b>6</b>	<b>GIẢNG VIÊN, CHUYÊN VIÊN VÀ NHÂN VIÊN</b>					
		Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Phó Giáo sư	Giáo sư
6.1	Giảng viên	10	14	19	25	30
		Chuyên viên	Chuyên viên (ThS/ TS)		Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
6.2	Chuyên viên	10	12		15	20
6.3	Nhân viên	8				